

Án số: 93/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Tú

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình về việc kiện tranh chấp ly hôn thụ lý số 755/2020/TLST - HNGĐ ngày 08/10/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXX ngày 18/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mai S, sinh năm 1964, có mặt

Địa chỉ: tổ 14, phường H, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1970, có mặt

Địa chỉ: tổ 14, phường H, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Mai S trình bày:

Anh Nguyễn Mai S kết hôn với chị Nguyễn Thị Minh H năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, anh S cho rằng chị H ngoại tình, đi nhà nghỉ với bạn trai nhiều lần, anh bắt được, đã tha thứ, nhưng chị H vẫn không sửa chữa, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay.

Tại phiên tòa anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, nên đề

ngợi Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/10/1993, Nguyễn Đức Anh V, sinh ngày 01/11/2000 và Nguyễn Mai H, sinh ngày 12/6/2008. Anh S đề nghị được nuôi con Nguyễn Mai H; 02 con Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Đức Anh V đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh S xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà 03 tầng, diện tích 62m²/ 01 tầng, trị giá 600.000.000đ; 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 30m², trị giá 70.000.000đ; 01 mảnh đất diện tích 64m² tại tổ 14 phường H, TP Thái Nguyên, trị giá 600.000.000đ; 01 mảnh đất diện tích 100m² tại tổ 14 phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, trị giá 900.000.000đ; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Rush, trị giá 600.000đ; 02 cây vàng; 80 triệu đồng và 01 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Công thương Thái Nguyên. Anh S đề nghị Tòa án chia tài sản theo quy định của pháp luật. Ngày 12/11/2020 anh S có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Năm 1992 chị kết hôn với anh Nguyễn Mai S, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S không quan tâm đến vợ con. Nay anh S làm đơn xin ly hôn, chị H không nhất trí, do mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/10/1993; Nguyễn Đức Anh V, sinh ngày 01/11/2000 và Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/02/2008. Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/6/2008, hai con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/10/1993 và Nguyễn Đức Anh V, sinh ngày 01/01/2000 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ một tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân gia đình, được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung:

[2] Anh Nguyễn Mai S và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh S và chị H đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, do anh S nghi ngờ chị H ngoại tình. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với chị H. Chị H không nhất trí ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh S kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Mai S, cho anh S được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế.

[4] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/10/1993; Nguyễn Đức Anh V, sinh ngày 01/11/2000 và Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/6/2008. Tại phiên tòa cả anh S và chị H đều có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/6/2008. Xét thấy, cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/02/2008 là con gái, đang độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý, cần có sự chăm sóc, giáo dục của mẹ, để cháu có sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, nên giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mai H1, phù hợp với nguyện vọng của cháu H1. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng là phù hợp, nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh S đề nghị Tòa án chia tài sản theo quy định của pháp luật. Ngày 12/11/2020 anh S có đơn rút yêu cầu chia tài sản, tại phiên tòa anh S vẫn giữ nguyên nội dung xin rút yêu cầu chia tài sản để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của anh Nguyễn Mai S.

Anh S có quyền khởi kiện lại, yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Hoàn trả anh S tạm ứng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Mai S với chị Nguyễn Thị Minh H. Anh Nguyễn Mai S được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh H.

2. *Về con chung:* Có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09/10/1993; Nguyễn Đức Anh V, sinh ngày 01/11/2000 và Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/6/2008. Giao con chung Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/6/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Mai H1, sinh ngày 12/6/2008 là 1.000.000 đồng / 01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì lãi suất được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. *Về tài sản chung:* Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng của anh Nguyễn Mai S với chị Nguyễn Thị Minh H. Anh S có quyền khởi kiện lại, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp tài sản chung vợ chồng sau ly hôn.

5. *Về án phí:* Anh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003557 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên; Hoàn trả anh Nguyễn Mai S 42.700.000.000 (Bốn mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp theo biên lai thu số 0003557 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

6. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quý Sửu

